|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH HƯNG YÊN  **SỞ NỘI VỤ**    Số: /ĐA-SNV | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hưng Yên, ngày   tháng  năm 2023* |

**ĐỀ ÁN**

|  |
| --- |
| **Xây dựng tạm thời vị trí việc làm các Hội đặc thù được hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số người làm việc tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2023-2025** |

**I. THỰC TRẠNG CÁC HỘI ĐẶC THÙ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC**

**1. Số lượng các Hội đặc thù được nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số người làm việc (giao biên chế)**

a) Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có **1.055** hội quần chúng được tổ chức và hoạt động theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, gồm:

- Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh: **41** hội.

- Hội có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố: **107** hội.

- Hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn: **907** hội.

b) Thực hiện Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính đặc thù, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số: 1916/QĐ-UBND ngày 11/11/2011; 136/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 công nhận **42/1.055** hội quần chúng là hội có tính chất đặc thù của tỉnh, gồm:

- Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh: **12** hội (trong đó, **09** hội được giao biên chế).

- Hội có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố: **30** hội (trong đó, **20** hội được giao biên chế).

**2. Địa vị pháp lý, tôn chỉ, mục đích của Hội**

Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc nhà nước; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ hội. Trong tổng số **29** hội đặc thù được giao biên chế, có **15** hội hoạt động theo Điều lệ do UBND tỉnh phê duyệt và **14** hội sử dụng Điều lệ của Trung ương hội. Theo đó, về tôn chỉ, mục đích hoạt động của các hội như sau:

**a) Hội hoạt động theo Điều lệ do UBND tỉnh phê duyệt (15 hội)**

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh: Là tổ chức đại diện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các thành viên khác tự nguyện tham gia, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hợp tác xã, các tổ chức thành viên, có vai trò dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển phong trào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, góp phần ổn định chính trị, an sinh xã hội và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của đất nước.

- Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh: Là tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tập hợp những người hoạt động văn học, nghệ thuật ở tỉnh Hưng Yên, tự nguyện vào Hội và sáng tác tác phẩm văn hóa, nghệ thuật có giá trị; góp phần xây dựng nền văn hóa, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người Việt Nam có trí tuệ, có đạo đức, tâm hồn, tình cảm, có lối sống và nhân cách tốt đẹp.

- Hội Người mù tỉnh: Là tổ chức xã hội của những người mù Việt Nam đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, hoạt động nhằm tập hợp, đoàn kết người mù vào tổ chức Hội, cùng hoạt động vì quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên trên cơ sở thúc đẩy thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật và Luật Người khuyết tật nhằm cải thiện cuộc sống của người mù; đẩy mạnh xây dựng môi trường không rào cản, tạo điều kiện để người mù tham gia bình đẳng vào các hoạt động xã hội; góp phần thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

- Hội Đông Y tỉnh: Là tổ chức xã hội nghề nghiệp của công dân tỉnh Hưng Yên hành nghề đông y, đông dược, hoạt động trong lĩnh vực khám, chữa bệnh bằng đông y; kế thừa, phát huy, phát triển, bảo tồn di sản văn hóa dân tộc thuộc lĩnh vực đông y. Hội tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; đem hết khả năng, kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn của mình cùng ngành y chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, góp phần vào sự phát triển nền đông y tỉnh Hưng Yên.

- Hội Khuyến học tỉnh: Là tổ chức xã hội tập hợp các tổ chức, công dân Việt Nam sống trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, tâm huyết với sự nghiệp “trồng người”, góp sức phấn đấu cho phong trào “toàn dân học tập, toàn dân tham gia làm giáo dục”, “cả nước trở thành một xã hội học tập” nhằm góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nguồn nhân tài cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế.

- Hội Người mù cấp huyện (10 hội): Là tổ chức xã hội của những người mù Việt Nam đang sinh sống trên địa bàn cấp huyện, hoạt động nhằm tập hợp, đoàn kết người mù vào tổ chức Hội, cùng hoạt động vì quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên trên cơ sở thúc đẩy thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật và Luật Người khuyết tật nhằm cải thiện cuộc sống của người mù; đẩy mạnh xây dựng môi trường không rào cản, tạo điều kiện để người mù tham gia bình đẳng vào các hoạt động xã hội; góp phần thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh”.

**b) Hội sử dụng Điều lệ của Trung ương hội (14 hội)**

- Hội Chữ thập đỏ tỉnh và 10 Hội Chữ thập đỏ cấp huyện

Tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam: Hội Chữ thập đỏ Việt Nam là tổ chức xã hội hoạt động nhân đạo; tập hợp mọi người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài, không phân biệt thành phần, dân tộc, tôn giáo, giới tính để làm nhân đạo. Mục đích cao cả của Hội là nhân đạo, hòa bình, hữu nghị, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

- Hội Luật gia tỉnh

Tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội Luật gia Việt Nam: Hội Luật gia Việt Nam tập hợp, đoàn kết các luật gia đã hoặc đang làm công tác pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị tự nguyện hoạt động nhằm góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quyền con người, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của Nhân dân, xây dựng nền khoa học, pháp lý, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; tham gia và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tổ chức luật gia trên thế giới và các tổ chức khác theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước vì mục đích chung là hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh

Tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam. Mục đích hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam là tập hợp, đoàn kết, phát huy sức sáng tạo của đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nền kinh tế tri thức, góp phần bảo vệ Tổ quốc và thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Hội Nhà báo tỉnh

Tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam: Hội Nhà báo Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của những người làm báo Việt Nam. Hội tập hợp, đoàn kết, động viên các nhà báo phát huy khả năng sáng tạo, cùng các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức khác và nhân dân cả nước phấn đấu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hội đại diện quyền làm chủ, nguyện vọng, lợi ích hợp pháp của những người làm báo Việt Nam, góp phần xây dựng báo chí Việt Nam thực sự là tiếng nói của Ðảng, Nhà nước, của các tổ chức xã hội và là diễn đàn của nhân dân. Hợp tác và tham gia các tổ chức báo chí dân chủ, tiến bộ của các nước, khu vực và quốc tế, tích cực góp phần vào việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Ðảng và Nhà nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

**3. Về cơ cấu tổ chức của Hội**

Cơ cấu tổ chức của 29 hội (09 Hội đặc thù cấp tỉnh và 20 Hội đặc thù cấp huyện) như sau:

a) Ban Chấp hành;

b) Ban Thường vụ;

c) Ban kiểm tra;

d) Văn phòng, các ban (phòng) chuyên môn;

đ) Tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội.

**4. Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Hội**

a) Ngày 06/01/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND về việc tạm hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các Hội được Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo số người làm việc năm 2023, trong đó các hội được giao 91 người (gồm 85 người làm việc và 06 lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP).

b) Số người làm việc có mặt đến thời điểm 30/4/2023 là 90 người, (gồm 84 người làm việc và 06 lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP).

c) Về trình độ chuyên môn (84 người): Đại học 68 người (chiếm 80,96%), Cao đẳng 08 người (chiếm 9,52%), Trung học 08 người (chiếm 9,52%).

**5. Đánh giá chung**

**a) Thuận lợi**

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo thực hiện quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội quần chúng tại địa phương nói chung và các hội đặc thù nói riêng. Trong đó, tập trung vào các nội dung cơ bản như: Ban hành các văn bản phân cấp, hướng dẫn về công tác hội bảo đảm kịp thời, đầy đủ; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hội; quyết định cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ hội theo quy định. Cụ thể: UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định: Số1916/QĐ-UBND ngày 11/11/2011 về việc quy định hội có tính đặc thù; số 1939/QĐ-UBND ngày 31/10/2012 về việc ủy quyền trong công tác quản lý hội; số 930/QĐ-UBND ngày 31/5/2013 về việc thực hiện chế độ chi trả thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo hội chuyên trách tại các hội đặc thù; số 17/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 quy định chế độ thù lao đối với lãnh đạo chuyên trách Ban đại diện Hội Người cao tuổi cấp tỉnh, cấp huyện; Hội Người cao tuổi cấp xã; Chi hội Người cao tuổi ở thôn, khu phố.

- Công tác quản lý nhà nước và hoạt động của các tổ chức hội đặc thù tuân thủ theo quy định của pháp luật về hội. Hoạt động của các hội góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh, có nhiều đóng góp tích cực trong công tác xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ nhân đạo, y tế, giáo dục, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đa số cán bộ, người làm việc tại các Hội đặc thù là những người có uy tín, đảm bảo chất lượng thực hiện nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao. Năng lực lãnh đạo, quản lý và công tác từng bước được nâng lên, góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của Hội đề ra.

**b) Khó khăn**

- Chất lượng của đội ngũ cán bộ, người làm việc tại các Hội đặc thù chưa đồng đều giữa các Hội; khả năng thích ứng của người làm việc tại một số Hội còn hạn chế.

- Nhà nước chưa có văn bản quy định về tiêu chuẩn, tuyển dụng, hoạt động, đánh giá, xếp loại, kỷ luật đối với người làm việc tại các Hội đặc thù (hiện đang được coi như công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp)…. Nhiều trường hợp trước đây bố trí chưa chú trọng tiêu chuẩn, điều kiện, kĩ năng.

- Việc đánh giá, xếp loại người làm việc tại các Hội để làm căn cứ bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ, người lao động ở Hội đặc thù chưa được thực hiện đồng bộ, thống nhất.

- Công tác đánh giá cán bộ, người làm việc ở Hội mang tính chủ quan, chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể, không ít trường hợp còn cảm tính, nể nang, dễ dãi hoặc định kiến. Việc đánh giá chưa đảm bảo nội dung, quy trình theo quy định, chưa công khai, dân chủ với tiêu chuẩn rõ ràng, minh bạch. Chưa gắn việc đánh giá với công tác bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ, người làm việc tại Hội đặc thù.

- Việc sử dụng Điều lệ của các Hội đặc thù vẫn chưa được thống nhất, có Hội được UBND tỉnh phê duyệt, có Hội sử dụng Điều lệ của Hội Trung ương, không có Điều lệ riêng của Hội.

**c) Nguyên nhân**

- Việc lựa chọn nhân sự tham gia bầu cử chức danh chủ chốt tại một số Hội chưa thiết thực; nguồn nhân sự kế cận chất lượng còn hạn chế.

- Việc xây dựng và ban hành các quy chế, quy định tại Hội còn thiếu, chậm được bổ sung, sửa đổi làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động cua Hội, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Việc xác định chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn, trình độ, sản phẩm đầu ra của từng chức danh cán bộ, người làm việc tại Hội đặc thù chưa cụ thể theo đúng chức danh đảm nhiệm.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, người làm việc tại Hội đạt hiệu quả chưa cao do chưa xác định được rõ yêu cầu, nhiệm vụ của các chức danh tại Hội.

- Chưa có quy định về danh mục, khung năng lực và bản mô tả vị trí việc làm đối với cán bộ, người làm việc tại các Hội đặc thù để làm căn cứ cho người làm việc tại hội bám sát nhiệm vụ thực thi công việc được Đảng và Nhà nước giao và làm căn cứ để hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số người làm việc của các Hội.

**II. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

Hội là tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam cùng ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vụ lợi nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên, của cộng đồng; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong những năm qua, cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền đã nghiêm túc quán triệt việc quản lý tổ chức, hoạt động của hội và đạt những kết quả thiết thực. Tuy nhiên, trước yêu cầu nhiệm vụ mới của đất nước, của tỉnh, đội ngũ cán bộ, người làm việc tại các Hội đặc thù được Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động còn không ít những hạn chế về trình độ, năng lực và lúng túng trong xác định chức trách, nhiệm vụ khi thực hiện những nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao.

Vị trí việc làm là công việc gắn với chức danh, chức vụ, cơ cấu, ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp để xác định biên chế và bố trí công việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Theo đó, việc xác định vị trí việc làm có ý nghĩa rất lớn, tác động đến nhiều khía cạnh, đặc biệt là đối với việc quản lý, tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng người làm việc tại hội.

Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ chưa ban hành các quy định về vị trí việc làm đối với tổ chức Hội. Để kịp thời khắc phục những khó khăn, vướng mắc nêu trên, việc ban hành Đề án Xây dựng tạm thời vị trí việc làm các Hội đặc thù được hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số người làm việc, giai đoạn 2023-2025 trên cơ sở vận dụng các quy định hiện hành về vị trí việc làm đối với các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập là cần thiết.

**2. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án**

a) Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015.

b) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

c) Kết luận số 102-KL/TW ngày 22/9/2014 của Bộ Chính trị về hội quần chúng.

d) Thông báo số 158-TB/TW ngày 02/01/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Kết luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XI về hội quần chúng trong tình hình mới.

đ) Các Nghị định của Chính phủ: Số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

e) Các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP; số 03/2014/TT-BNV ngày 19/6/2014 sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013; Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013.

g) Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Hưng Yên.

h) Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh về việc tạm hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các hội được nhà nước hỗ trợ kinh phí theo số người làm việc năm 2023.

i) Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt Điều lệ các Hội đặc thù được nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số người làm việc của tỉnh.

k) Thông báo số 119/TB-UBND ngày 07/4/2023 của Văn phòng UBND tỉnh thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cho chủ trương ban hành Đề án của Sở Nội vụ quy định tạm thời danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm đối với các Hội đặc thù được nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số người làm việc, giai đoạn 2023-2025.

l) Căn cứ nghiên cứu, tham khảo

- Luật viên chức năm 2010.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/09/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

**III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN**

**1. Quan điểm**

a) Việc xây dựng Đề án phải có tính kế thừa những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm trong công tác quản lý, sử dụng cán bộ, người làm việc tại các hội đặc thù trong thời gian qua; đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch và phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm thực hiện công việc của từng hội đặc thù; mỗi vị trí việc làm phải gắn với chức danh, công việc nhất định và tuân thủ quy định của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về công tác cán bộ.

b) Việc xây dựng Đề án nhằm tạo cơ sở pháp lý để xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, người làm việc tại các Hội đặc thù có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, đáp ứng các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao trong tình hình hiện nay.

c) Từng bước tổ chức, sắp xếp lại các Hội đảm bảo thống nhất, tinh gọn và xác định số người làm việc phù hợp, đúng quy định; đưa hoạt động của các Hội được thống nhất và làm cơ sở đánh giá việc sử dụng biên chế, kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ theo số người làm việc tại các Hội một cách khoa học, hiệu quả.

**2. Mục tiêu**

a) Quy định tạm thời danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm đối với cán bộ, người làm việc tại các Hội đặc thù được giao biên chế trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao nhằm xác định yêu cầu về số người làm việc gắn với các chức danh, chức vụ và chất lượng công việc đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và cơ cấu hợp lý; trình độ, năng lực đáp ứng được yêu cầu công tác và nhiệm vụ trong tình hình mới.

b) Làm cơ sở để đánh giá, phân loại cán bộ, người làm việc tại Hội. Thực hiện đổi mới công tác đánh giá theo hướng lấy kết quả, hiệu quả làm việc là căn cứ chính để đánh giá trình độ, năng lực của cán bộ, người làm việc. Tiêu chí đánh giá hoàn thành công việc theo kết quả sẽ là căn cứ chủ yếu để đánh giá hiệu quả làm việc của từng chức danh, người làm việc cụ thể.

c) Làm cơ sở cho việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ, người làm việc tại Hội. Trên cơ sở khung năng lực của từng vị trí việc làm do quá trình xác định vị trí việc làm đặt ra, các Hội đánh giá năng lực hiện tại của đối tượng so với cấp độ yêu cầu của từng vị trí, những điểm khuyết thiếu trong kiến thức, kỹ năng mà chức danh, vị trí việc làm đó yêu cầu; từ đó xác định những năng lực đối tượng cần đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thành công việc.

d) Trong quý IV năm 2023, 100% các Hội đặc thù được giao biên chế của tỉnh xác định được sản phẩm đầu ra, đánh giá sản phẩm đầu ra của cán bộ, người làm việc tại Hội.

**3. Yêu cầu của Đề án**

a) Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, thời gian hoàn thành và phân công trách nhiệm cụ thể trong việc thực hiện Đề án cho các đơn vị liên quan.

b) Đảm bảo tính khả thi, khả năng áp dụng và hiệu quả của Đề án trong hoạt động của các Hội đặc thù được giao biên chế.

c) Căn cứ xây dựng vị trí việc làm là chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Hội được quy định tại Điều lệ Hội do cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc xác định biên chế tại Hội theo danh mục vị trí việc làm phải gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ người làm việc tại Hội, đảm bảo người làm việc phải được giao đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian lao động quy định. Những vị trí việc làm không có đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian quy định của một người làm việc thì phải bố trí kiêm nhiệm; không tăng về biên chế được cấp có thẩm quyền giao so với số tạm giao năm 2023.

**IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÁC HỘI**

**1. Căn cứ xác định vị trí việc làm**

a) Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Hội được quy định tại Điều lệ Hội do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô, phạm vi hoạt động.

**2. Căn cứ xác định biên chế, số người làm việc**

a) Vị trí việc làm và khối lượng công việc của từng vị trí việc làm của Hội.

b) Mức độ hiện đại hóa về trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin.

c) Thực trạng việc quản lý, sử dụng biên chế được giao của Hội.

**3. Các loại vị trí việc làm**

a) Phân loại theo khối lượng công việc

- Vị trí việc làm do một người đảm nhiệm.

- Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhiệm.

- Vị trí việc làm kiêm nhiệm.

b) Phân loại theo tính chất, nội dung công việc

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.

- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành.

- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung *(gồm: hành chính, văn phòng, kế toán, văn thư, lưu trữ, thủ quỹ và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành)*.

- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

**4. Các bước xác định vị trí việc làm**

Xác định vị trí việc làm đối với các Hội theo phương pháp tổng hợp trên cơ sở kết hợp giữa việc phân tích tổ chức, phân tích công việc với thống kê, đánh giá thực trạng đội ngũ người làm việc tại Hội và được thực hiện theo các bước sau:

**Bước 1**: Các Hội triển khai đến từng cá nhân, cán bộ và người làm việc thống kê công việc hiện đang được đảm nhiệm (theo Phụ lục số 1).

**Bước 2**: Thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ của Hội

Từng đơn vị cấp phòng thống kê công việc của phòng trên cơ sở tổng hợp các công việc do cá nhân thống kê theo phụ lục 1 ở trên. Bộ phận làm công tác tổ chức của hội tổng hợp kết quả thống kê của các phòng để thống kê thành công việc của Hội.

Việc thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị trực thuộc thực hiện như sau:

a) Thống kê những công việc có tính chất thường xuyên, liên tục, ổn định, lâu dài, lặp đi lặp lại có tính chu kỳ mà đơn vị thực hiện, gồm:

- Những công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Hội và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổ chức cấu thành của Hội quy định tại Điều lệ Hội do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Những công việc thuộc về chuyên ngành, lĩnh vực hoạt động của Hội; những công việc mang tính chuyên môn dùng chung, trong đó nêu rõ:

+ Những công việc thuộc về chuyên ngành, lĩnh vực hoạt động của Hội (gọi chung là công việc nghề nghiệp chuyên ngành);

+ Những công việc mang tính chuyên môn dùng chung: Hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các công việc không thuộc nghề nghiệp chuyên ngành của Hội (gọi chung là công việc chuyên môn dùng chung);

+ Những công việc hỗ trợ, phục vụ cho công việc chuyên ngành và công việc chuyên môn dùng chung (gọi chung là công việc hỗ trợ, phục vụ).

b) Không thống kê những công việc có tính thời vụ, đột xuất hoặc công việc không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội (kể cả những công việc giao kiêm nhiệm).

c) Việc thống kê công việc theo Phụ lục số 2 kèm theo hướng dẫn này.

**Bước 3.** Phân loại vị trí việc làm

a) Phân loại theo khối lượng công việc

- Vị trí việc làm do một người đảm nhận: Là việc sử dụng thời gian hoàn thành đảm bảo bằng thời gian làm việc của 01 người/năm.

- Vị trí việc làm do nhiều người đảm nhận: Là việc sử dụng thời gian hoàn thành đảm bảo bằng thời gian làm việc theo quy định của hơn 01 người/năm.

- Vị trí việc làm kiêm nhiệm: Là việc chưa sử dụng hết thời gian làm việc theo quy định của 01 người/năm.

b) Phân loại theo tính chất, nội dung công việc

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: Là vị trí việc làm thể hiện tính chất đặc thù theo chức năng nhiệm vụ của Hội, tổ chức thuộc, trực thuộc Hội.

- Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành.

- Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: Hành chính, văn phòng, kế toán, văn thư, lưu trữ, thủ quỹ và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành.

- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

c) Việc phân loại vị trí việc làm thực hiện theo Phụ lục số 3 kèm theo.

**Bước 4.** Thống kê, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, người làm việc tại Hội

a) Thống kê thực trạng về số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, người làm việc hiện tại (tính đến thời điểm 31/5/2023), gồm các nội dung: Trình độ đào tạo; Chuyên ngành được đào tạo; Ngoại ngữ; Tin học; Giới tính; Tuổi đời; hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đang giữ.

b) Báo cáo đánh giá thực trạng việc đáp ứng yêu cầu công việc, bố trí, sử dụng và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, người làm việc tại Hội. Nội dung báo cáo gồm:

- Đánh giá việc đáp ứng và sự phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, người làm việc tại Hội.

- Đánh giá việc bố trí, sử dụng và năng lực, hiệu quả công việc thực tế của từng cán bộ, người làm việc tại Hội theo nhiệm vụ đang đảm nhận.

c) Việc thống kê thực hiện trạng đội ngũ cán bộ, người làm việc tại Hội thực hiện theo Phụ lục số 4 kèm theo.

**Bước 5.** Xác định danh mục vị trí việc làm của Hội

a) Trên cơ sở thống kê, phân nhóm công việc; các yếu tố ảnh hưởng; thống kê, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, người làm việc, chức danh nghề nghiệp đã được quy định, Hội xác định vị trí việc làm và tổng hợp thành danh mục vị trí việc làm của Hội.

b) Mỗi vị trí việc làm gắn với nội dung chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể, gắn với chức danh nghề nghiệp (chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự, nhân viên;…) và hạng chức danh nghề nghiệp (hạng I, II, III, IV, V) và chức danh lãnh đạo, quản lý (nếu là các công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành).

c) Danh mục vị trí việc làm của Hội, bao gồm:

- Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành.

- Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp chuyên ngành (chuyên môn).

- Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn dùng chung.

- Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ.

d) Danh mục vị trí việc làm Hội được thể hiện ở cột 1, cột 2, cột 3 của Phụ lục số 5 kèm theo.

**Bước 6.** Xây dựng Bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm

a) Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm được xác định tại bước 5, việc xây dựng bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm được thực hiện như sau: Mô tả về mục tiêu, các công việc, tiêu chí đánh giá, các mối quan hệ công việc, phạm vi, quyền hạn, yêu cầu trình độ và năng lực tại từng vị trí việc làm.

b) Bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm thực hiện theo Phụ lục số 6 kèm theo.

**Bước 7.** Xác định khung năng lực của từng vị trí việc làm

a) Khung năng lực của từng vị trí việc làm được xây dựng căn cứ trên cơ sở yêu cầu thực hiện công việc, được phản ánh trên bản mô tả công việc tương ứng, gồm các năng lực và kỹ năng cần có để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Khung năng lực của từng vị trí việc làm thực hiện theo Phụ lục số 7 kèm theo.

**Bước 8.** Xác định biên chế, số người làm việc và chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp ứng với vị trí việc làm

a) Các Hội xác định số biên chế cần có trên cơ sở lấy tổng thời gian hoàn thành công việc của cơ quan, đơn vị chia cho 1.920 giờ (1.920 giờ là số giờ làm việc theo quy định bình thường của Luật lao động sau khi trừ đi các ngày nghỉ lễ, tết trong năm).

b) Việc xác định chức danh nghề nghiệp và hạng của chức danh nghề nghiệp ứng với vị trí việc làm được tiến hành trên cơ sở thống kê công việc và tổng thời gian để hoàn thành công việc, đồng thời và gắn liền với quá trình xác định danh mục vị trí việc làm ở Phụ lục số 5 và căn cứ vào các yếu tố sau: Lĩnh vực hoạt động nghiệp vụ; Tên của vị trí việc làm; Bản mô tả công việc; khung năng lực; vị trí, quy mô, phạm vi hoạt động của Hội; chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp.

***Lưu ý:*** Trước mắt đến năm 2025 giữ nguyên số biên chế được cấp có thẩm quyền tạm giao năm 2023.

**Bước 9: Hoàn chỉnh Đề án quy định tạm thời vị trí việc làm**

Sau khi thực hiện các bước trên, các Hội xây dựng Đề án quy định tạm thời vị trí việc làm của Hội theo đề án mẫu kèm theo.

**5.** **Trình tự, thủ tục, hồ sơ xây dựng vị trí việc làm của Hội**

**Bước 1:** Chủ tịch các Hội đặc thù được giao biên chế của tỉnh chỉ đạo các phòng, ban và tương đương thuộc, trực thuộc Hội căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng Đề án quy định tạm thời vị trí việc làm của Hội mình theo đề án (mẫu) ban hành kèm theo Đề án này.

Hàng năm, Hội có trách nhiệm rà soát về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đề án quy định tạm thời vị trí việc làm đã được phê duyệt. Nếu có sự thay đổi về tổ chức, về nhiệm vụ, về số lượng, khối lượng công việc, thì xây dựng đề án điều chỉnh vị trí việc làm tạm thời.

**Bước 2:** Hoàn thiện Đề án trình Sở Nội vụ quyết định phê duyệt.

**Bước 3:** Sở Nội vụ thẩm định, ban hành Quyết định phê duyệt đề án quy định tạm thời vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm tạm thời của các Hội đặc thù được giao biên chế của tỉnh.

***Thời hạn thẩm định****:* Đối với hồ sơ đề nghị phê duyệt tạm thời vị trí việc làm lần đầu thời hạn 40 ngày làm việc, đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh vị trí việc làm tạm thời thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ của Hội, Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định, ban hành Quyết định phê duyệt quy định tạm thời vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm tạm thời của các Hội đặc thù được giao biên chế của tỉnh.

**6. Thời gian thực hiện xây dựng đề án quy định tạm thời vị trí việc làm**

a) Năm 2023 thực hiện hoàn thành xong trước ngày 31/12/2023;

b) Các năm tiếp theo (đến hết năm 2025) điều chỉnh vị trí việc làm tạm thời khi có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức hoặc pháp luật có quy định khác.

**7. Thành phần hồ sơ đề nghị thẩm định Đề án quy định tạm thời vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm tạm thời**

Hồ sơ đề nghị thẩm định Đề án quy định tạm thời vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm tạm thời, gồm:

a) Văn bản đề nghị thẩm định Đề án.

b) Đề án quy định tạm thời vị trí việc làm.

c) Bản sao các văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Điều lệ Hội.

d) Các văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng Đề án.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Nội vụ**

a) Hướng dẫn các hội đặc thù được giao biên chế của tỉnh xây dựng Đề án quy định tạm thời vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm tạm thời đảm bảo theo quy định.

b) Ban hành các Quyết định phê duyệt tạm thời vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm tạm thời các Hội đặc thù được giao biên chế của tỉnh.

**2. Các Hội đặc thù được giao biên chế**

a) Xây dựng Đề án quy định tạm thời, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm tạm thời của Hội đảm bảo theo quy định.

b) Ban hành văn bản quy định cụ thể sản phẩm đầu ra, kết quả sản phẩm đầu ra của từng vị trí việc làm để làm cơ sở đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, mức độ hoàn thành công việc được giao đối với người làm việc tại hội hàng năm.

c) Thường xuyên cập nhật những khó khăn, vướng mắc, ý kiến đóng góp về bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm của các đối tượng, báo cáo Sở Nội vụ để xem xét, điều chỉnh theo quy định.

**3. Báo Hưng Yên và Đài PTTH tỉnh**

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong xã hội, phát huy tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức Hội đặc thù và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trên đây là Đề án xây dựng tạm thời vị trí việc làm các Hội đặc thù được hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số người làm việc tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2023-2025. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị báo cáo về Sở Nội vụ (qua phòng Tổ chức, biên chế tổng hợp), để xem xét, giải quyết theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ Nội vụ;  - Thường trực Tỉnh ủy;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - UBND tỉnh;  - Các sở, ban, ngành tỉnh;  - Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy;  - HĐND; UBND cấp huyện;  - Các Hội được hỗ trợ kinh phí hoạt động  theo SNLV của tỉnh;  - Lãnh đạo Sở Nội vụ;  - Lưu: VT, TCBC. | **GIÁM ĐỐC**  **Lê Quang Hòa** |